

Số: 06/NQ-ĐHĐCĐ/CLL

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2014

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 05 năm 2014.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1 Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư năm 2013 và kế hoạch cho năm 2014 (Tài liệu đính kèm), với các chỉ tiêu cơ bản sau:

a. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013:

Stt	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2013 (đồng)	TH năm 2013/ TH năm 2012	TH năm 2013/ KH năm 2013
1	Tổng doanh thu	199.988.743.445	14,49%	2,33%
2	Lợi nhuận trước thuế	91.418.400.438	28,18%	19,08%
3	Thuế TNDN	9.169.878.804	79,79%	19,44%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	82.248.521.634	24,20%	19,04%
5	Tỷ suất sinh lợi sau thuế	34,27%		

- Quỹ lương: 8% Doanh thu

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014	So với kết quả năm 2013 (%)
1	Tổng doanh thu	229.000.000.000	14.51%
2	Lợi nhuận trước thuế	93.879.359.561	2.69%
3	Thuế TNDN	18.775.871.912	104.76%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	75.103.487.649	-8.69%
5	Tỷ suất sinh lợi sau thuế	31.29%	

- Quỹ lương: 10% Doanh thu

c. Kết quả thực hiện đầu tư năm 2013:

Stt	Phương tiện vận tải	Số lượng	Nguyên giá	Chi phí thủ tục, giấy tờ	Ngày đưa vào sử dụng
1	Xe đầu kéo	5	7.704.545.455	195.250.000	29/03/2013
2	Sơmi romooc	5	1.512.727.271	33.780.000	29/03/2013
3	Xe đầu kéo	5	7.704.545.455	169.500.000	28/06/2013
4	Sơmi romooc	3	944.090.909	20.770.000	28/06/2013
5	Sơmi romooc đã qua sử dụng	5	700.000.000	16.500.000	10/07/2013
6	Sơmi romooc	8	2.323.636.360	51.120.000	31/07/2013
7	Sơmi romooc đã qua sử dụng	4	560.000.000	13.200.000	16/08/2013
8	Xe đầu kéo	1	1.590.909.091	35.000.000	13/09/2013
9	Sơmi romooc	5	1.617.727.275	35.590.000	01/10/2013
10	Sơmi romooc đã qua sử dụng	5	754.545.455	16.600.000	11/10/2013
11	Xe ô-tô phục vụ hoạt động logistics	1	867.000.000	0	16/07/2013
CỘNG			26.279.727.271	587.310.000	
TỔNG CỘNG NGUYÊN GIÁ			26.867.037.271		

(Tổng số tiền hoàn thiện các hạng mục đầu tư là: Hai mươi sáu tỷ tám trăm sáu bảy triệu không trăm ba bảy ngàn hai trăm bảy một đồng)

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư 09 xe container kinh doanh vận tải hàng hóa trong thời hạn 6 năm với các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện về năng lực theo quy định của pháp luật nhằm huy động vốn đầu tư từ nguồn tiền nhân rồi và giảm thiểu áp lực từ nguồn vốn vay.

d. Kế hoạch đầu tư 2014:

Stt	Tên hạng mục đầu tư	Hình thức lựa chọn thầu	Giá trị đầu tư	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn
I	Thi công xây lắp công trình:				
1	Bù lún bãi container sau cầu tàu số 7 – giai đoạn 2 và giai đoạn 3	Chỉ định thầu: - Công ty Cổ phần Xây dựng Tân cảng Số 1 - Công ty Cổ phần T.B.A	25.605.172.000	Quý 1/2014	Vốn đầu tư phát triển của Công ty
2	Thảm nhựa duy tu bề mặt cầu cảng B7	Chỉ định thầu: Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng (là đơn vị thi công cầu tàu số 7)	950.000.000	Quý 1/2014	Vốn đầu tư phát triển của Công ty
3	Nâng cấp hệ thống điện trung thế từ 15KV lên 22KV (Trạm điện số 5)	Chỉ định thầu: Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Điện Lập Phát (là đơn vị triển khai thi công nâng cấp đồng bộ các trạm điện tại Cảng Cát Lái)	3.000.000.000	Quý 2-3/2014	Vốn đầu tư phát triển của Công ty
	- Công tác thiết kế và ký hợp đồng thiết bị			Tháng 5/2014	
	- Thi công			Tháng 9/2014	
II	Mua sắm thiết bị				
4	Xe đầu kéo, trong đó:		60.000.000.000	Quý 1-3/2014	Vốn vay từ Ngân hàng (40 tỷ đồng)
	- 10 xe hiệu Hino, mới 100%, sản xuất năm 2014	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Ô-tô Trường Long	20.540.000.000	Quý 2/2014	Vốn đầu tư phát triển của Công ty
	- 20 xe hiệu Daewoo, mới 100%, sản xuất năm 2014	Công ty TNHH MTV TM-DV Huỳnh Thy	34.000.000.000	Quý 3/2014	
	- 30 rơ-mooc (hiệu Chien You, mới 100%)	Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam	5.460.000.000	Quý 2,3/2014	

Góp vốn liên doanh kinh doanh bất động sản:				
III				
5	Góp vốn đầu tư Dự án KDC-TM Phú Mỹ, Q.7, TP.HCM	192.654.500.000	2014 - 2016	
	- Vốn huy động khách hàng	145.266.107.050	2015 - 2016	
	- Vốn Chủ sở hữu, trong đó:	47.388.393.000	2014 - 2015	Vốn vay từ Ngân hàng
	Năm 2014 góp:	16.230.268.000	Quý 2-4/2014	
IV	Góp vốn đầu tư (thành lập pháp nhân mới)			
6	Dự án cao ốc văn phòng cho thuê 28-34 Pasteur	17.000.000.000	2014 - 2015	
7	Dự án công trình nhà văn phòng 172-174 Nguyễn Trãi	7.200.000.000	2014 - 2015	
V	Thành lập chi nhánh			
8	Dự án trạm trung chuyển tại Quảng Trị	10.000.000.000	2014 - 2015	Vốn vay từ Ngân hàng và Vốn đầu tư phát triển của Công ty
Tổng cộng		139.985.440.000		

(Tổng số tiền dự kiến đầu tư năm 2014 là: Một trăm ba mươi chín tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng)

Ủy quyền cho HĐQT quyết định, ký kết và triển khai thực hiện các hợp đồng liên quan đến các hoạt động đầu tư của Công ty theo chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có giá trị trên 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Công ty; công ty con, công ty liên kết của Công ty, đảm bảo quyền lợi cổ đông và Công ty.

Điều 2 Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013 (Tài liệu đính kèm).

Điều 3 Thông qua Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (Tài liệu đính kèm).

Điều 4 Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2013 (Tài liệu đính kèm).

Điều 5 Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2013 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức 2014:

a. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm và cổ tức năm 2013:

Stt	Khoản mục	Giá trị (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2013	82.248.521.634
1	Quỹ đầu tư phát triển (15% Lợi nhuận sau thuế)	12.337.278.245
2	Quỹ Dự phòng tài chính (1% Lợi nhuận sau thuế)	822.485.216
3	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (5% Lợi nhuận sau thuế)	4.112.426.082
4	Quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	789.264.470
II	Chia cổ tức (22% Vốn điều lệ)	52.800.000.000
III	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	11.387.067.621

(*) 6% LNST tăng thêm so với kế hoạch năm 2013 đã được ĐHCĐ 2013 thông qua.

Vốn điều lệ Công ty năm 2013 là **240.000.000.000** đồng.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế, quyết định việc chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2013 (16%/mệnh giá, bằng tiền mặt) tại các thời điểm thích hợp cũng như các vấn đề khác có liên quan đến việc chi trả cổ tức theo quy định của Điều lệ và pháp luật, bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

b. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2014:

Stt	Khoản mục	Giá trị (đồng)
I	Kế hoạch Lợi nhuận sau thuế năm 2014	75.103.487.649
1	Quỹ đầu tư phát triển (15% Lợi nhuận sau thuế)	11.265.523.147
2	Quỹ Dự phòng tài chính (1% Lợi nhuận sau thuế)	751.034.876

Stt	Khoản mục	Giá trị (đồng)
3	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (5% Lợi nhuận sau thuế)	3.755.174.382
4	Quỹ khen thưởng Ban điều hành: 10% Lợi nhuận sau thuế tăng thêm so với kế hoạch năm 2014 được ĐHĐCĐ 2014 thông qua	
II	Chia cổ tức (22% Vốn điều lệ)	52.800.000.000

Vốn điều lệ năm 2014: **240.000.000.000** đồng.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế để quyết định thời điểm, mức cổ tức tạm ứng và các vấn đề khác có liên quan đến việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2014 theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật, bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

Điều 6 Thông qua Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, Lương Giám đốc và chính sách khen thưởng Ban điều hành năm 2014:

a. Thù lao HĐQT, BKS năm 2013:

- Chủ tịch HĐQT 7.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch HĐQT 6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT không kiêm nhiệm 2.500.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm 2.000.000 đồng/tháng
- Trưởng ban kiểm soát 2.500.000 đồng/tháng
- Thành viên ban kiểm soát 2.000.000 đồng/tháng
- Tổng cộng mức thù lao năm 2013 đã thực hiện: **318.000.000** đồng/năm

b. Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS và chế độ khen thưởng Ban điều hành năm 2014:

Stt	Ban điều hành	Số lượng	Mức thù lao
1	Hội đồng quản trị	05	240.000.000
2	Ban kiểm soát	03	78.000.000
Tổng cộng		08	318.000.000

Mức thù lao cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị quyết định.

c. Báo cáo lương giám đốc công ty năm 2013 và kế hoạch thực hiện năm 2014:

- Lương Giám đốc Công ty năm 2013: 29.700.000 đồng/tháng
- Kế hoạch Lương Giám đốc Công ty năm 2014: 31.000.000 đồng/tháng
(Áp dụng từ 01/01/2014)

d. Chính sách khen thưởng đối với Ban điều hành (HĐQT, BKS, Ban giám đốc) hoàn

thêm so với kế hoạch lợi nhuận năm 2013 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- e. Nhằm khuyến khích Ban điều hành Công ty nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, kế hoạch của năm 2014, HĐQT đề xuất chính sách khen thưởng cho HĐQT, BKS và Ban giám đốc Công ty năm 2014 là 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch và chế độ khoán định mức chi phí hoạt động cho các thành viên Ban điều hành năm 2014, cụ thể như sau:

- Chi phí hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc: 1.350.000.000 đồng
- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát: 164.000.000 đồng

Điều 7 Thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, cụ thể như sau:

a. Bổ sung ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn phân bón, cao su và các sản phẩm liên quan. (mã ngành 4669)
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. (mã ngành 4659)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. (mã ngành 4511).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. (mã ngành 5221)
- Dịch vụ ICD: xếp dỡ hàng hóa, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, kinh doanh kho bãi. (mã ngành 5229)
- Cho thuê xe ô tô, xe cầu, xe nâng hàng. (mã ngành 7710)
- Đại lý du lịch. (mã ngành 7911)
- Điều hành tua du lịch. (mã ngành 7912)
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. (mã ngành 7920)
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. (mã ngành 5610)
- Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở). (mã ngành 5510)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (mã ngành 6810)
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan. (mã ngành 4661)

b. Chính sửa bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty:

Tại Khoản 1 Điều 3: Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

a. Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
01	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế. Vận tải hàng hóa ven biển hoặc viễn dương, theo lịch trình hoặc không theo lịch trình.	5012

Stt	Tên ngành	Mã ngành
02	Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh. Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.	4932
03	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ lai dắt tàu biển. Dịch vụ vệ sinh tàu biển. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ logistics. Hoạt động giao nhận hàng hóa.	5229
04	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô-tô, mô-tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng. Sửa chữa container, moóc kéo chuyên dùng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3315
05	Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển.	5224
06	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ-mooc và bán rơ-mooc. Chi tiết: Dịch vụ đóng mới moóc kéo chuyên dùng (không hoạt động tại trụ sở).	2920
07	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại. Chi tiết: Đóng mới container (không hoạt động tại trụ sở)	2512
08	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán các thiết bị vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng.	4659
09	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê tàu, container và các thiết bị vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng	7730
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi.	4290
11	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô-tô. Vận tải hàng hóa đường sông, hồ, kênh, rạch bằng phương tiện cơ giới và thô sơ.	5022
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, xe siêu trường siêu trọng.	4933
13	Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, thiết bị xếp dỡ (không gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở).	3312

Stt	Tên ngành	Mã ngành
14	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi, kể cả hoạt động của taxi sân bay.	4931
15	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: - Vận tải hành khách ven biển và viễn dương, theo lịch trình hoặc không theo lịch trình; - Hoạt động của tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan; - Hoạt động của phà, tàu, xuồng taxi.	5011
16	Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Chi tiết: Vận tải hành khách đường sông, hồ, kênh, rạch bằng phương tiện cơ giới và thô sơ.	5021
17	Bán buôn chuyên doanh khác. Chi tiết: Bán buôn phân bón, cao su và các sản phẩm liên quan	4669
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
19	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
21	Cho thuê xe ô tô, xe cầu, xe nâng hàng	7710
22	Đại lý du lịch	7911
23	Điều hành tua du lịch	7912
24	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
25	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
26	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết : Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)	5510
27	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810
28	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661

- c. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định việc bổ sung, điều chỉnh nội dung ngành nghề hoạt động của Công ty và thực hiện các thủ tục pháp lý sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ và các giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến việc bổ sung, điều chỉnh nội dung ngành nghề hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 8 Thông qua đề xuất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn A&C (Địa chỉ trụ sở chính: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM) thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu

Điều 9 Thông qua toàn văn Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.

Điều 10 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái năm 2014 có hiệu lực kể từ thời điểm được thông qua.

Điều 11 Đại hội đồng cổ đông nhất trí giao cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc có trách nhiệm phổ biến và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

Điều 12 Ban kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty trong việc thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ**

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Tv. HĐQT, BKS, Ban Giám đốc;
- Đăng trên website Công ty;
- Lưu: TK HĐQT; ThH03.



Nguyễn Văn Quân

